

Biểu mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 9

THÔNG BÁO

**Công khai chất lượng giáo dục thực tế của Trường Mầm Non Phường 9
năm học 2016 - 2017**

Số TT	Nội dung	Nhà trẻ Từ 19 – 36 tháng tuổi	Mẫu giáo Từ 3 – 6 tuổi
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	-100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 100% trẻ có sức khỏe ở kênh A.	-100% trẻ được theo dõi về sức khỏe. - Đạt 100% trẻ có sức khỏe ở kênh A.
II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	- Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt + Thể chất: vận động khéo léo, thăng bằng cơ thể. + Nhận thức, ngôn ngữ: biết dùng lời nói để giao tiếp, biết quan sát, nhận xét, so sánh ... - Hình thành nhân cách: biết chào hỏi, lễ phép, tự phục vụ... - Giáo dục những kỹ năng sống: biết xếp giày dép, biết rửa tay, cất đồ chơi, chuẩn bị giờ ăn...	- Giúp trẻ phát triển tốt về các mặt + Thể chất: vận động khéo léo, thăng bằng cơ thể, biết định hướng trong không gian. + Nhận thức, ngôn ngữ: biết khám phá, tìm tòi, quan sát, so sánh, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày - Hình thành nhân cách: biết chào hỏi, lễ phép, tự phục vụ, giúp đỡ bạn, chia sẻ, nhường nhịn.. - Giáo dục những kỹ năng sống: biết xếp giày dép, biết rửa tay, cất đồ chơi, chuẩn bị giờ ăn...
III	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục mầm non.	- Thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục mầm non - Thực hiện bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	- Đạt khẩu phần ăn 52% trở lên. - Số lượng: 2 giáo viên/ nhóm. - Được khám sức khỏe, tẩy giun, uống Vitamin A 2 lần/năm. Cân đo theo dõi sức khỏe trẻ theo quý (3 tháng).	- Đạt khẩu phần ăn 52% trở lên - Số lượng: 2 giáo viên/lớp. - Được khám sức khỏe, tẩy giun 2 lần/năm. Cân đo theo dõi sức khỏe trẻ theo quý (3 tháng).

Quận 10, ngày 20 tháng 6 năm 2017

Hiệu Trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Hằng

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục Trường mầm non Phường 9
Năm học 2016 - 2017

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	150		9	23	38	40	40
1	Số trẻ em 2 buổi/ngày	150		9	23	38	40	40
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	150		9	23	38	40	40
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	150		9	23	38	40	40
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	150		9	23	38	40	40
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Kênh bình thường	150		9	23	38	40	40
2	Kênh dưới -2							
3	Kênh dưới -3							
4	Kênh trên +2	5				1	2	2
5	Kênh trên +3							
6	Phân loại khác							
7	Số trẻ em suy dinh dưỡng	3			2	1		
8	Số trẻ em béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Đối với nhà trẻ							
b	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non.	32		9	23			
2	Đối với mẫu giáo							
d	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non.	118				38	40	40

Quận 10, ngày 20 tháng 6 năm 2017

Hiệu Trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Hằng

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 9 QUẬN 10
năm học 2016 - 2017

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	5	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	5	
III	Số điểm trường	03	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	404.4 m ²	2.64 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	40 m ²	0.26 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	325m ²	2.14 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	20 m ²	0.13 m ² /trẻ
3	Diện tích hiên chơi (m ²)	50 m ²	0.33m ² /trẻ
4	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	90 m ²	0.59m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	5	Số bộ/nhóm (lớp)
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	12	- Máy tính: 11 - Máy ảnh kỹ thuật số: 1
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	4	01/nhóm (lớp)
3	Máy phô tô	01	
5	Catsset	05	01/nhóm (lớp)
6	Đầu Video/đầu đĩa	02	
7	Máy Projector	01	
8	Đồ chơi ngoài trời	5	
9	Bàn ghế đúng quy cách	80 bộ	
10	Máy giặt	1	
11..	Máy in.....	7	

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho Giáo viên	Dùng cho Học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/ Nữ	Chung	Nam/ Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	04		5		0.13m ² / trẻ

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XV	Tường rào xây	X	

Quận 10, ngày 20 tháng 6 năm 2017

Hiệu Trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Hằng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 9

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 9 QUẬN 10
năm học 2016 - 2017

S T T	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22					6	5	5	6	
I	Giáo viên	10	10				4	3	3		
II	Cán bộ quản lý	02	02				2				
1	Hiệu trưởng	01	1				1				
2	Phó hiệu trưởng	01	1				1				
III	Nhân viên	10	4	6				2	2	6	
1	Nhân viên văn thư	1	1						1		
2	Nhân viên kế toán	1	1					1			
3	Nhân viên Y tế	1	1					1			
4	Bảo mẫu	1	1							1	
5	Nhân viên cấp dưỡng	2		2					1	1	
6	Nhân viên phục vụ	2		2						2	
7	Nhân viên bảo vệ	2		2						2	

Quận 10, ngày 20 tháng 6 năm 2017

Hiệu Trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Hằng